

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 24 – 5 – 2018.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984 (*có mặt*).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi tạm trú tại: Số D, khu E, phường G, quận K, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1982 (*vắng mặt*).

Cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị Đ và anh Nguyễn Hồng H tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến

mất hạnh phúc. Mặc dù, vợ chồng cố gắng vun đắp hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay mà không trở về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, chị Đ và anh H có với nhau một người con chung tên Nguyễn Thanh T sinh ngày 29/3/2007 hiện anh H đang nuôi dưỡng. Để ổn định cuộc sống và việc học tập của con nên sau khi ly hôn, chị Đ đồng ý giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh H có yêu cầu cấp dưỡng cho con thì chị đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung, chị Đ xác định chị và anh H không có tài sản chung và không nợ chung ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Đ kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Xét tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Hồng H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

[3]. *Về hôn nhân:* Xét chị Đ và anh H là vợ chồng hợp pháp có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, mâu thuẫn đã được anh chị cố gắng điều hòa, vun đắp tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Chị Đ và anh H có thời gian sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay mà không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Nên không có căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho anh theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ vào lời trình bày của chị Đ và thời gian sống ly thân thực tế có cơ sở kết luận đời sống chung giữa chị Đ và

anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị Đ và anh H.

[4]. *Về nuôi con, cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có ý kiến trình bày về vấn đề nuôi con kèm theo lời trình bày nguyện vọng của con sau khi ly hôn mong muốn được chung sống với cha hoặc mẹ; cũng như các vấn đề về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung. Tất cả các vấn đề này, chị Đ không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Mặc dù, các đương sự không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, xuất phát từ việc đảm bảo các quyền và lợi ích chính đáng cho con là người chưa thành niên; giải quyết quyền, nghĩa vụ của mỗi bên đối với con sau khi ly hôn. Vì thế, nên cần đặt ra xem xét, giải quyết giao con chung cho một bên nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét hiện cháu Nguyễn Thanh T đã trên 10 tuổi, thực tế kể từ tháng 6/2015 cho đến nay anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Do đó, để ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu T, đồng thời ghi nhận ý kiến của chị Đ đồng ý giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H được quyền khởi kiện yêu cầu chị Đ cấp dưỡng cho con bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu theo quy định pháp luật. Xét chị Đ là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Do các vấn đề về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Xét trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, chị Đ phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Hồng H.

2. Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Thanh T sinh ngày 29/3/2007 cho anh Nguyễn Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Dành cho anh Nguyễn Hồng H vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

2.3. Chị Nguyễn Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này chị Đ được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N 0010630 ngày 16/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nguyễn Thị Đàm là nguyên đơn, vắng mặt anh Nguyễn Hồng Huy là bị đơn. Báo cho chị Đàm có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh Huy vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã B: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Cao Minh Tân